



CÔNG TY CỔ PHẦN  
BAO BÌ & IN NÔNG NGHIỆP

AGRICULTURE PRINTING AND PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

Nhà Máy: Lô 3 CN3-KCN Ngọc Hồi Thanh Trì - Hà Nội  
Tel: (84.4) 36840095

Fax: (84.4) 36840095

Trụ sở: 72 Đường Trường Chinh - Đống Đa

Hà Nội - Việt Nam

Tel: (844) 38695605 - Fax: (844) 38695605

Website: [www.apprintco.com](http://www.apprintco.com)  
Email: [info@apprintco.com](mailto:info@apprintco.com)



CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG	Số. 314 ngày 16/1/2020
VĂN	CHUYÊN
ĐẾN	Lãnh đạo CC
	Phòng V.P. Để lãnh hồ S.
	Sao



# HỒ SƠ

## TIÊU CHUẨN HỢP QUY

### MÀNG NHỰA BOPP/PE/VMCPP (Màng MIZ)

Hà Nội, Tháng 4 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BAO BÌ & IN NÔNG NGHIỆP**

AGRICULTURE PRINTING AND PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

Nhà Máy: Lô 3 CN3-KCN Ngọc Hồi Thanh Trì - Hà Nội  
Tel: (84.4) 36840095 Fax: (84.4) 36840095

Trụ sở: 72 Đường Trường Chinh - Đống Đa  
Hà Nội - Việt Nam  
Tel: (844) 38695605 - Fax: (844) 38695605

Website: [www.apprintco.com](http://www.apprintco.com)  
Email: [info@apprintco.com](mailto:info@apprintco.com)

# HỒ SƠ

## TIÊU CHUẨN HỢP QUY

### MÀNG NHỰA BOPP/PE/VMCPP (Màng MIZ)

Hà Nội, Tháng 4 năm 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 01/BBAPP/2020

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP  
TẠI HƯNG YÊN.

Địa chỉ: Đường C1, KCN Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0221.3982136/7

Fax: 0221.3982135.

Email : [info@appmail.vn](mailto:info@appmail.vn)

Mã số doanh nghiệp: 0101508664-002

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: số 49/ 2017, Ngày Cấp : 20/6/2017 -  
Nơi cấp : Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên.

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: Màng nhựa BOPP/PE/VMCPP ( Màng MIZ ).
2. Thành phần: màng nhựa BOPP đã in ghép với màng PE/VMCPP
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: màng dạng cuộn, bao gói kín trong màng nilong, đặt trong thùng carton. Tem đóng gói ghi đầy đủ các thông tin Tên hàng, mã hàng, khối lượng tịnh, số lô sản xuất, ngày sản xuất, nhà cung cấp.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm : Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao Bì và In Nông nghiệp tại Hưng Yên. Địa chỉ: Đường C1, KCN Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./

Hưng Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2020

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

CHI NHÁNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP  
TẠI HƯNG YÊN

**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Thành Hải*



## BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên	Bao bì thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm	Số TCCS 01: 2020
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP TẠI HƯNG YÊN	MÀNG NHỰA BOPP/PE/VMCPP (Màng MIZ)	Có hiệu lực kể từ ngày ký

### 1. Yêu cầu kỹ thuật:

#### 1.1 Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Màng mỏng.
- Màu sắc : Tùy theo yêu cầu khách hàng.
- Mùi : Đặc trưng của nhựa pp

#### 1.2. Các chỉ tiêu hóa học:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn		
1	Định danh nhựa bằng phương pháp phổ hồng ngoại (mặt tiếp xúc với thực phẩm)		ASTME 1252-98	Polyethylene		
2	Hàm lượng Chì (Pb)	µg/g	QCVN 12- 1:2011/BYT	100		
3	Hàm lượng Cadimi (Cd)	µg/g		100		
4	Hàm lượng kim loại nặng( thôi nhiễm trong Axit acetic 4%) sau 30 phút ở 60□	µg/ml		1		
5	Hàm lượng KMnO <sub>4</sub> sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60□.	µg/ml		10		
9	Cặn khô (Ngâm thôi nhiễm)	Heptan (25 <sup>0</sup> C;1 giờ)		µg/ml	30	
		Ethanol 20% (60 <sup>0</sup> C;30')		µg/ml	30	
		Nước (60 <sup>0</sup> C;30')		µg/ml	30	
		Axit acetic 4% (60 <sup>0</sup> C;30')		µg/ml	30	
10	Hàm lượng phthalate thôi nhiễm	isooctane sau 2 ngày ở 20□.		mg/kg	EN 13130-1 : 2004 GB31604.30- 2016	1,5

#### 1.3 Các chỉ tiêu vi sinh :

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị đo	Phương pháp thử	Kết quả
11	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/100cm <sup>2</sup>	ISO 4833-1:2013	<1(**)
12	Tổng số nấm men,mốc.	CFU/100cm <sup>2</sup>	TCVN 8275-1:2010	<1(**)

13	E.coli	CFU/100cm <sup>2</sup>	TCVN 7924-2:2008	<1(**)
14	Coliforms	CFU/100cm <sup>2</sup>	TCVN 6848 :2007	<1(**)
15	Cl.perfringens	CFU/100cm <sup>2</sup>	TCVN 4991:2005	<1(**)
16	St.aureus	CFU/100cm <sup>2</sup>	TCVN 4830 -1:2005	<1(**)

**2. Thành phần cấu tạo:**

3. Màng BOPP ( Biaxially Oriented Polypropylene ) : màng bên ngoài.
4. Màng PE ( Polyethylene ) : màng không tiếp xúc trực tiếp thực phẩm.
5. Màng VMCPP (Vacuum Metallized Cast Polypropylene ) : màng tiếp xúc trực tiếp thực phẩm

**6. Hướng dẫn sử dụng và quản quản:**

- Màng dùng để chứa đựng tiếp xúc trực tiếp thực phẩm.
- 7. Sản phẩm phải được bảo quản ở nhiệt độ  $\leq 40^{\circ}\text{C}$  và độ ẩm  $\leq 85\%$  ở nơi sạch sẽ, thoáng mát, khô ráo, tránh ánh nắng mặt trời và nguồn nhiệt.

**8. Quy cách bao gói:**

- Sản phẩm Bao bì nhựa phức hợp BOPP/PE/VMCPP được bao gói bằng túi nilon và đựng trong thùng carton.

**9. Quy trình sản xuất:** (có Phục Lục I kèm theo)

**10. Nội dung ghi nhãn:** địa chỉ, ngày sản xuất, trọng lượng tịnh, tên thương mại sản phẩm, lô sản xuất.

**11. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:**

**12. Xuất xứ:** Việt Nam

**13. Sản xuất tại:** Chi nhánh Công ty cổ phần Bao bì và in Nông nghiệp tại Hưng Yên. Địa chỉ: Đường C1, KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

**14. Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:** Công ty Cổ phần Bao Bì và In Nông nghiệp. Địa chỉ: 72 Trường Chinh - Quận Đống Đa - Hà Nội. Điện thoại: 0243.6840095 Fax: 0243.6840095,

Hưng Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2020.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.**

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu).

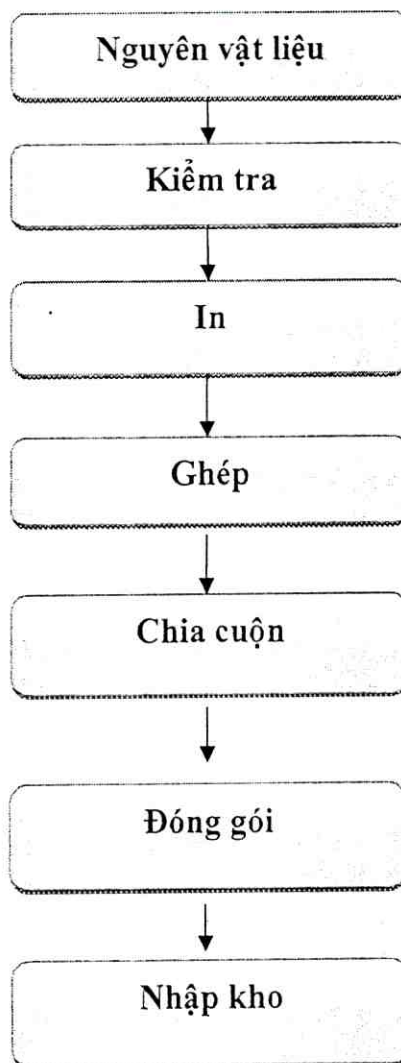


**GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Thành Hải*

## Phụ lục I

### QUY TRÌNH SẢN XUẤT ( màng nhựa BOPP/PE/VMCPP – Màng MIZ )



#### ➤ *Quá trình in đa màu sắc:*

Nguyên liệu chính để in là màng BOPP. Màng in, mực in là nguyên liệu đầu tiên của quy trình sản xuất được cấp ở dưới dạng cuộn màng và thùng chứa mực, công đoạn này chủ yếu tạo ra Bán thành phẩm in.

Sử dụng phương pháp in trục ống đồng .

In ống đồng ( Gravure printing): về nguyên lý đó là phương pháp in lõm, tức là trên khuôn in, hình ảnh hay chữ viết ( gọi là phân tử in) được khắc lõm vào bề mặt kim loại. Khi in sẽ có hai quá trình: Mực ( dạng lỏng) được cấp lên bề mặt khuôn in, dĩ nhiên mực cũng tràn vào các chỗ lõm của phân tử in, sau đó một

dụng cụ gọi là dao gạt ( doctor blade) sẽ gạt mực thừa ra khỏi bề mặt khuôn in, và khi ép, in, mực trong các chỗ lõm dưới áp lực in sẽ truyền sang bề mặt vật liệu.

Máy in ống đồng được cấu tạo có nhiều trục in, có thể thay đổi thứ tự các màu sắc được in. Ngoài ra, sau mỗi khi in một loại màu, màng nhựa sẽ được sấy khô, sau đó làm nguội trước khi đến trục in màu tiếp theo.

➤ **Quá trình ghép:**

Sau quá trình in, màng in được ghép với màng PE/VMCPP tạo thành sản phẩm là màng nhựa phức hợp.

- **Phương pháp ghép khô:**

Keo được sử dụng là keo polyme nhân tạo gốc nước, còn, dung môi. Trong quá trình ghép, keo được tráng lên lớp vật liệu có tính thấm ít hơn, sau đó được ghép ngay lập tức với lớp thứ hai. Bộ phận ghép gồm một cặp lô, trong đó có một lô được mạ crôm và một lô cao su. Sau khi ghép, nước ( hoặc còn, dung môi) trong keo sẽ được bay hơi tại bộ phận sấy, Keo khô tạo độ kết dính cần thiết giữa hai lớp vật liệu.

➤ **Quá trình chia cuộn:**

Cuộn sau khi in và ghép tiến hành chia . Quá trình chia cuộn được thực hiện trên máy chia màng.

Đây chủ yếu là quá trình chia tách ra các sản phẩm đơn lẻ ở dạng cuộn nhỏ là sản phẩm cuối cùng hoặc để tạo túi. Công đoạn này không tác động đến sản phẩm bao bì về mặt kết cấu.

➤ **Quá trình đóng gói:**

Từ các cuộn đơn lẻ để tạo ra sản phẩm cuối cùng là túi, sau đó chuyển sang đóng gói. Công đoạn này không tác động đến sản phẩm bao bì về mặt kết cấu.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2020.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.**

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu).



GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Thành Hải*

## KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ

**Tên sản phẩm:** màng nhựa BOPP/PE/VMCPP ( Màng MIZ ).

**Xuất xứ:** Việt Nam

**Sản xuất và đóng gói tại:** Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao bì và in Nông nghiệp tại Hưng Yên. Địa chỉ: Đường C1, KCN Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

**Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:**

Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp

Địa chỉ: số 72, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243.6840095

Fax: 0243.6840095

Chỉ tiêu giám sát	Tần suất	Đơn vị kiểm tra chất lượng
<p><i>Các chỉ tiêu theo QCVN 12-1;2011/BYT</i></p> <ol style="list-style-type: none"><li>Hàm lượng Cd (thử vật liệu)</li><li>Hàm lượng Pb (thử vật liệu)</li><li>Hàm lượng kim loại nặng: thôi nhiễm trong Axit acetic 4%.</li><li>Hàm lượng KMnO<sub>4</sub> sử dụng trong nước</li><li>Hàm lượng cặn khô: ngâm thôi nhiễm.<ul style="list-style-type: none"><li>60°C, 30 phút, trong nước,</li><li>25°C, 60 phút, trong n-heptan,</li><li>60°C, 30 phút, trong axit axetic 4%,</li><li>60°C, 30 phút, trong Etanol 20%,</li></ul></li><li>Hàm lượng phthalate thôi nhiễm.<ul style="list-style-type: none"><li>isooctane sau 2 ngày ở 20°C.</li></ul></li><li>Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/100cm<sup>2</sup></li><li>Coliforms, CFU/100cm<sup>2</sup></li><li>E.coli , CFU/100cm<sup>2</sup></li><li>St.aureus , CFU/100cm<sup>2</sup></li><li>Cl.perfringens, CFU/100cm<sup>2</sup></li><li>Tổng số bào tử nấm men+ mốc, CFU/100cm<sup>2</sup>.</li></ol>	01 lần/năm	Phòng kiểm nghiệm được công nhân hoặc được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chỉ định.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2020



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Hải



Hưng Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2020

Số: 01 /2020/BC-APP

## **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỢP QUY** **Màng nhựa BOPP/PE/VMCPP ( Màng MIZ )**

### **I- CĂN CỨ ĐÁNH GIÁ:**

- Căn cứ kết quả thử mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất để kết luận sự phù hợp của sản phẩm màng nhựa BOPP/PE/VMCPP.
- Việc đánh giá phù hợp của sản phẩm được thực hiện theo QCVN 12-1:2011/BYT.

### **II- PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ:**

- Được đánh giá dựa vào kết quả thử nghiệm mẫu điển hình theo QCVN 12-1:2011/BYT và đánh giá quá trình sản xuất để kết luận sự phù hợp.
- Việc đánh giá giám sát được thực hiện thông qua sự kiểm soát và phân loại chất lượng nguyên liệu đầu vào của công ty, thử nghiệm mẫu điển hình đồng thời kết hợp đánh giá quá trình sản xuất.
- Địa điểm đánh giá: Chi nhánh Công ty cổ phần Bao bì và in Nông nghiệp tại Hưng Yên. Địa chỉ: Đường C1, KCN Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

### **III- NỘI DUNG VÀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN**

#### **1. Lấy mẫu:**

- Tiến hành lấy mẫu màng nhựa BOPP/PE/VMCPP được lấy mẫu ngẫu nhiên từ lô hàng. Đây là mẫu điển hình được lấy trong cùng một điều kiện, cùng chủng loại nguyên liệu và cùng ngày sản xuất.
- Mẫu sau khi lấy được chuyển đến đơn vị : Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 thuộc Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Để thử nghiệm đánh giá chất lượng sản phẩm màng nhựa BOPP/PE/VMCPP.

#### **2. Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất:**

- Các hồ sơ liên quan đến quá trình sản xuất như : Quy trình sản xuất, công nghệ sản xuất, tiêu chuẩn sản phẩm, phương pháp thử đều được kiểm soát chặt chẽ.
- Các quá trình tạo thành phẩm đã được kiểm soát từ khâu đầu cho đến thành phẩm, thông qua quá trình kiểm soát tại các công đoạn sản xuất và thông qua kết quả thử nghiệm thành phẩm.
- Các nguyên liệu đều được kiểm tra, kiểm soát chất lượng trước khi đưa vào quá trình sản xuất.
- Các thiết bị máy móc được vệ sinh, kiểm tra bảo dưỡng hàng ngày trước khi vận hành.
- Các Công nhân, Nhân viên kỹ thuật trong công ty đều được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và khám sức khỏe định kỳ.

### 3. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và hiệu lực việc áp dụng, thực hiện quy trình sản xuất:

Trên cơ sở kết quả các chỉ tiêu kiểm nghiệm mẫu sản phẩm màng nhựa BOPP/PE/VMCPP. Đánh giá phù hợp như sau:

- Trên cơ sở kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu của sản phẩm màng nhựa BOPP/PE/VMCPP của doanh nghiệp phù hợp với quy định kỹ thuật trong QCVN 12-1:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm ( kèm theo kết quả kiểm nghiệm).

- Sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 12-1:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm có giá trị hiệu lực tối đa 3 năm với điều kiện sản phẩm, hàng hoá được giám sát tần suất 1 năm /lần.

#### 4. Kết luận:

- Sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.  
 Sản phẩm không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

Trên đây là báo cáo đánh giá hợp quy Chi nhánh Công ty cổ phần Bao bì và in Nông nghiệp tại Hưng Yên đối với sản phẩm màng nhựa BOPP/PE/VMCPP.

. Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung báo cáo trên.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2020

**GIÁM ĐỐC**  
  
**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Thành Hải*




KT3-00725AHD0/2

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

09/03/2020  
Page 01/04

- Tên mẫu : **MÀNG NHỰA BOPP/PE/VMCPP**  
*Name of sample (MÀNG MIZ)*
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*  
(xem hình trang 04/04/ *see picture on page 04/04*)
- Số lượng mẫu : 01  
*Quantity*
- Ngày nhận mẫu : 21/02/2020  
*Date of receipt*
- Thời gian thử nghiệm : 24/02/2020 – 09/03/2020  
*Testing duration*
- Nơi gửi mẫu : **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP**  
**TẠI HƯNG YÊN**  
**Đường C1 - KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên**  
*Customer*
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo  
*Test results Refer to next page*

**P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG**  
**DEPUTY HEAD OF CONSUMER**  
**PRODUCTS TESTING LAB.**  
**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3**  
**PHÂN THẠNH TRUNG**

  
Nguyễn Thị Thùy Nhi



**CHỦ TỊCH**  
**Đỗ Văn Tuyên**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. *Test results are valid for the samples submitted only.*
- Không được trích sao lại phần nội dung kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3. *This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written agreement of Quatest 3.*
- N/A không áp dụng. *Not applicable.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. *Name, sample and customer are written as on the request.*
- Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin. *Estimated expanded uncertainty of measurement with  $k=2$ , at 95% confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.*

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu/ require ment (* )
7.1 Định danh nhựa bằng phương pháp phổ hồng ngoại (mặt tiếp xúc với thực phẩm)/ <i>Identification by infrared spectroscopy method (contact with foodstuff)</i>		ASTM E 1252 - 98		Poly propylene +Poly ethylene	
<b>THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST</b>					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadimi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
<b>THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST</b>					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng KMnO <sub>4</sub> sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO<sub>4</sub> consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng cặn khô / <i>Evaporation residue</i>		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ <i>In heptan after 60 min at 25 °C</i>	µg/mL		5,0	15,3	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

**Ghi chú/****Note:**

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/  
*Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(\* ) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT / *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT*

KPH/ND : Không phát hiện/ *Not detected*

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu/ <i>require ment (**)</i>
7.7 Hàm lượng phthalate thôi nhiễm trong isooctane sau 2 ngày ở 20 °C <i>Phthalate migration in isooctane (v/v) after 2 days at 20 °C,</i> • Di(2-ethylhexyl)-phthalate (DEHP)	mg/kg	EN 13130-1: 2004 GB 31604.30-2016	0,5	KPH/ND	≤ 1,5

**Ghi chú/ Notice :** (\*\*) Theo/ *According to* COMMISSION REGULATION (EU) No 10/2011 of 14 January 2011 on plastic materials and articles intended to come into contact with food  
KPH/ND : Không phát hiện/ *Not detected*

### THỬ NGHIỆM VI SINH / MICROBIOLOGY TEST

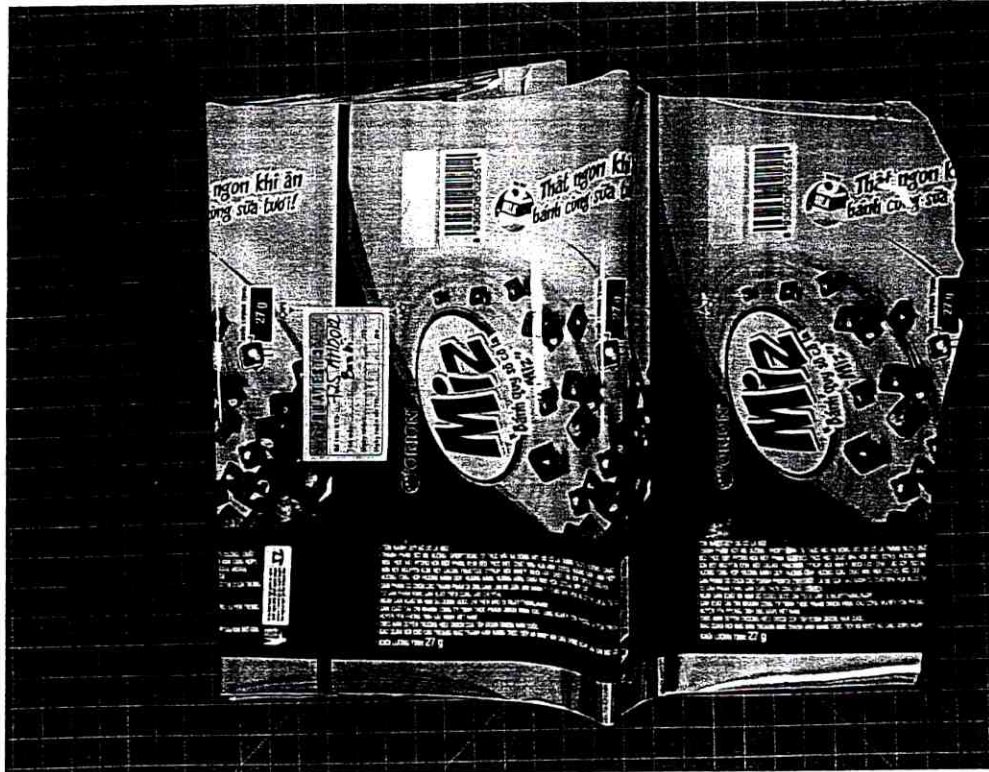
**Chuẩn bị mẫu/ Sample preparation :** dùng bông gòn thấm 10 mL peptone 0,1 % , lau 2000 cm<sup>2</sup> bề mặt trong mẫu, cho bông gòn vào túi ni long tiệt trùng, bổ sung cho đủ 20 mL peptone 0,1 % , đồng nhất mẫu trong 5 phút. Sau đó, tiến hành phân tích các chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng/ *Use a piece of absorption cotton moistened with 10 mL of 0,1 % peptone to swab surface of 2000 cm<sup>2</sup> sample. Put the swab into a sterile container, add 10 mL of 0,1 % peptone. Homogenise in 5 minutes, then use this fluid for analysis*

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.8 Tổng số vi khuẩn hiếu khí, <i>Total bacteria count</i>	CFU/100 cm <sup>2</sup>	ISO 4833-1: 2013	< 1 (**)
7.9 Tổng số nấm men, nấm mốc, <i>Total yeast, mould</i>	CFU/100 cm <sup>2</sup>	TCVN 8275-1: 2010	< 1 (**)
7.10 <i>Escherichia coli</i>	CFU/100 cm <sup>2</sup>	TCVN 7924-2: 2008	< 1 (**)
7.11 Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase, ( <i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác)	CFU/100 cm <sup>2</sup>	TCVN 4830-1: 2005	< 1 (**)
7.12 Coliforms,	CFU/100 cm <sup>2</sup>	TCVN 6848: 2007	< 1 (**)
7.13 <i>Clostridium perfringens</i>	CFU/100 cm <sup>2</sup>	TCVN 4991 : 2005	< 1 (**)

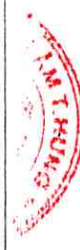
**Ghi chú/Notice:** (\*\*) Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/100 cm<sup>2</sup> khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.  
*According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/100 cm<sup>2</sup> when the dish contains no colony.*

KT3-00725AHD0/2

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Handwritten initials or mark.



## TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam  
 Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn  
 Branch: No. 7 road No. 1, Binh Hoa 1, 17, Dang Nui, Vietnam Tel: (84-28) 383 6217 Fax: (84-28) 383 6298 E-mail: tn-eskh@quatest3.com.vn